

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Số/No: 1-188/26/Taya-Vn-cbtt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp Đồng Nai, ngày 18 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
- Mã chứng khoán: TYA
- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251-3836361-4 Fax: 0251-3836388
- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2026 và Giải trình -Trụ sở chính.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/08/2026 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn Mục Quan hệ cổ đông→Báo cáo kiểm toán năm - bán niên

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Người UQ CBTT



LINH THIN PAU

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire
and Cable Joint Stock Company
Số/No: 1-18-826/taya-vn-gt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM
To: State Securities Commission of Vietnam
The Ho Chi Minh Stock Exchange

V.v: (Giải trình BCTC soát xét bán niên năm 2026–Trụ sở chính)
(Explanation of the audited semi-annual financial statements for 2026 - Head office)

Căn cứ khoản 4 điều 14 chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam xin giải trình như sau: / *Based on Clause 4, Article 14, Chapter III of Circular 96/2020/TT-BTC issued on November 16, 2020, by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company would like to provide the following explanation:*

- 1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp soát xét bán niên năm 2026 tại Trụ sở chính biến động từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: /***The reviewed semi-annual profit after corporate income tax for 2026 at the Head Office fluctuated by 10% or more compared to the report for the same period of the previous year.*

DVT: đồng//Unit: VND

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2026	Năm 2025	Tăng/giảm Increase/decrease	%
Doanh thu bán hàng/ <i>Sales revenue</i>	917.959.437.833	699.548.082.940	218.411.354.893	31,2
Lợi nhuận sau thuế TNDN / <i>Net profit after corporate income tax</i>	44.256.814.434	22.548.991.590	21.707.822.844	96,3

1. Giải trình cụ thể/Specific explanation:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 21.707.822.844 đồng, tương ứng tăng 96,3% so với báo cáo soát xét bán niên cùng kỳ năm trước nguyên nhân như sau: / *Profit after corporate income tax increased by VND 21,707,822,844, representing a 96.3% rise compared to the reviewed semi-annual report of the same period last year, due to the following reasons:*

➤ **Tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế:/ Increase revenue and after-tax profit**

- Do tăng trưởng kinh tế nửa đầu năm 2026 kết hợp với xu hướng thuận lợi trong thu hút đầu tư và phát triển kinh doanh trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, công ty đã kiểm soát hiệu quả giá nguyên vật liệu đầu vào và giảm chi phí sản xuất dẫn đến hoạt động kinh doanh có lãi./Economic growth in the first half of 2026, combined with trends in investment attraction and domestic business development, created favorable conditions for the company's product sales. In addition, the company effectively controls input material prices, reducing production costs and thus achieving profitability.

Trân trọng và kính chào!/Best regards!

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2026/ Dong Nai, Aug 18, 2026

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL MANAGER




HSU CHING YAO



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai)	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai)	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	3600241468	ngày 10 tháng 10 năm 2024
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai)	
	3600241468	ngày 9 tháng 10 năm 2025
	3600241468	ngày 19 tháng 5 năm 2026
	do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai)	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Hsu Ching Yao Ông Chen Chung Kuang Ông Pa Kuei Chuang Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Thôn Hoàng Hòa Xã Mao Điền Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Thành phố Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số 26-01-00429-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phượng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.344.433.998.942	1.125.316.693.911
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	141.957.171.610	99.515.248.800
Tiền	111		141.957.171.610	99.515.248.800
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		285.487.144.070	284.585.838.816
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	285.487.144.070	284.585.838.816
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		340.617.905.428	313.625.489.435
Phải thu của khách hàng	131	10	312.856.758.006	302.154.127.692
Trả trước cho người bán	132	11	6.992.478.830	12.495.321.031
Phải thu khác	135	12	21.792.627.880	-
Dự phòng phải thu khó đòi	136	10	(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	13	471.988.138.014	346.416.914.107
Hàng tồn kho	141		473.639.848.759	347.775.419.343
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.651.710.745)	(1.358.505.236)
Tài sản ngắn hạn khác	160		104.383.639.820	81.173.202.753
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		4.809.497.539	2.392.959.728
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	20(a)	98.925.600.776	78.094.745.176
Tài sản ngắn hạn khác	165		648.541.505	685.497.849
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 270)	200		182.596.379.166	168.039.651.866
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	14	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		47.197.147.079	41.974.999.424
Tài sản cố định hữu hình	221	15	47.096.253.750	41.861.226.093
Nguyên giá	222		373.381.377.661	363.320.601.973
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.285.123.911)	(321.459.375.880)
Tài sản cố định vô hình	227		100.893.329	113.773.331
Nguyên giá	228		1.128.878.800	1.128.878.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.027.985.471)	(1.015.105.469)
Tài sản dở dang dài hạn	250		4.135.747.360	1.445.745.688
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	16	4.135.747.360	1.445.745.688
Tài sản dài hạn khác	270		8.461.837.290	1.817.259.317
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17	8.060.486.785	1.459.889.638
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		401.350.505	357.369.679
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.527.030.378.108	1.293.356.345.777

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		989.842.459.321	767.038.822.009
Nợ ngắn hạn	310		989.842.459.321	767.038.822.009
Phải trả người bán	311	18	133.172.723.510	39.718.203.008
Người mua trả tiền trước	312		17.207.300.645	13.178.505.035
Phải trả cổ tức	313	19	52.156.989.400	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	20(b)	4.234.885.883	3.236.403.126
Phải trả người lao động	315		4.500.726.865	6.400.916.640
Chi phí phải trả	316		1.230.414.828	2.453.937.180
Phải trả khác	320		912.716.660	871.634.175
Vay ngắn hạn	321	21	776.426.701.530	701.179.222.845
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.187.918.787	526.317.523.768
Vốn cổ phần	411	22	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	23	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	24	133.717.831.294	115.941.020.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		96.843.476.856	103.749.892.982
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		52.586.662.422	36.874.818.560
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	420b		44.256.814.434	66.875.074.422
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.527.030.378.108	1.293.356.345.777

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

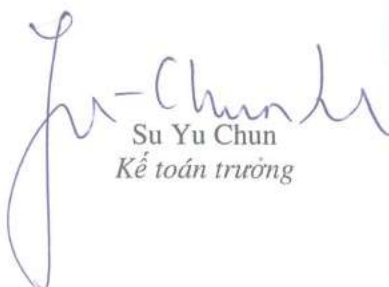
Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp



Su Yu Chun
Kế toán trưởng



 Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng	01	26	917.959.437.833	699.548.082.940
Giá vốn hàng bán	11	27	813.662.324.886	636.041.498.145
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		104.297.112.947	63.506.584.795
Doanh thu hoạt động tài chính	22	28	14.209.705.490	15.015.533.550
Chi phí tài chính	23	29	32.157.278.046	22.980.624.200
Trong đó: Chi phí đi vay	24		22.567.980.339	12.572.624.814
Chi phí bán hàng	25	30	17.572.069.534	15.308.195.856
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	15.261.800.647	12.599.995.053
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		53.515.670.210	27.633.303.236
Thu nhập khác	31		1.170.327	20.710.788
Chi phí khác	32		41.005.358	357.321.561
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(39.835.031)	(336.610.773)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.475.835.179	27.296.692.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	9.263.001.571	4.614.696.504
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(43.980.826)	133.004.369
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.256.814.434	22.548.991.590

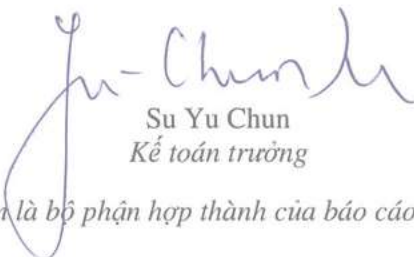
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật


Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp


Su Yu Chun
Kế toán trưởng


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	53.475.835.179	27.296.692.463
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	4.838.628.033	4.907.627.554
Các khoản dự phòng	03	293.205.509	(886.695.792)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(238.812.270)	1.468.197.833
Lãi từ hoạt động đầu tư và tài chính	05	(11.658.251.965)	(8.566.283.507)
Chi phí đi vay	06	22.567.980.339	12.572.624.814
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	69.278.584.825	36.792.163.365
Tăng các khoản phải thu và tài sản khác	09	(22.995.950.654)	(57.691.378.791)
Tăng hàng tồn kho	10	(125.864.429.416)	(67.508.691.535)
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	94.383.572.173	19.037.091.640
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	(9.017.134.958)	202.115.680
		5.784.641.970	(69.168.699.641)
Chi phí đi vay đã trả	14	(22.601.597.673)	(11.018.116.987)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.060.155.668)	(4.554.218.868)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.022.057.895)	(1.978.143.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.899.169.266)	(86.719.178.874)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.469.480.438)	(4.850.493.290)
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(522.000.000.000)	(340.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	522.144.541.303	166.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.170.473.726	5.749.079.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.154.465.409)	(173.101.414.161)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	951.839.679.187	757.149.833.814
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(874.448.771.966)	(418.279.496.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	77.390.907.221	338.870.337.155
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	42.337.272.546	79.049.744.120
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	99.515.248.800	112.919.226.902
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	104.650.264	(81.289.043)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	141.957.171.610	191.887.681.979

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập


Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật


Hsu-Ching Yao
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Thôn Hoàng Hòa, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Trụ sở chính có 230 nhân viên (1/1/2026: 231 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Trụ sở chính đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Trụ sở chính và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách kế toán được mô tả tại Thuyết minh 3.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng tổn thất.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho các cổ đông.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu mua lại của chính mình/Cổ phiếu quỹ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi Công ty mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư.

Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần.

Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Khi cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết này, ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2025. Khoản thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu phải nộp theo quy định của BEPS 2.0 được ghi nhận là thuế thu nhập hiện hành thuộc phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 17 – Thuế thu nhập.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay và phí bảo lãnh. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Trụ sở chính

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Trụ sở chính kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	410.164.000	370.508.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	141.547.007.610	99.144.740.800
	141.957.171.610	99.515.248.800

(*) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn chi tiết theo ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Mega International, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	129.057.846.820	63.671.329.670
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	511.545.040	10.274.781.143
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking	472.577.010	13.254.053.812
Các ngân hàng khác	11.505.038.740	11.944.576.175
	141.547.007.610	99.144.740.800

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Lãi suất năm	30/6/2026 Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Dự phòng VND	1/1/2026 Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Dự phòng VND
				(Phân loại lại)	
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	6,6% - 8%	285.487.144.070	-	284.585.838.816	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2026: 1.240 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chi tiết theo ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai	284.247.013.717	80.624.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	162.231.260.277
Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai	-	30.300.000.000
Các ngân hàng khác	1.240.130.353	11.430.578.539
	<u>285.487.144.070</u>	<u>284.585.838.816</u>

10. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	8.580.507.071	-	14.980.447.660	-
Các bên thứ ba				
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	95.579.773.554	-	96.630.969.154	-
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	56.731.143.095	-	44.393.231.071	-
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	49.106.859.695	-	42.390.641.598	-
Các khách hàng khác	102.858.474.591	(1.023.959.288)	103.758.838.209	(1.023.959.288)
	<u>312.856.758.006</u>	<u>(1.023.959.288)</u>	<u>302.154.127.692</u>	<u>(1.023.959.288)</u>

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dongguan Tengyue Imp. and Exp. Co., Ltd	5.217.636.600	-
Guangzhou Jcc Copper Products Co., Ltd	1.590.153.502	-
Hộ kinh doanh Khánh Hà Quốc	-	8.617.205.410
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Vĩnh Minh Việt Nam	-	2.600.640.000
Các nhà cung cấp khác	184.688.728	1.277.475.621
	6.992.478.830	12.495.321.031

12. Phải thu khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải thu từ Chi nhánh	21.792.627.880	-

Phải thu phi thương mại từ Chi nhánh không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Hàng mua đang đi đường	196.461.918.470	-	89.986.216.632
Nguyên vật liệu	33.833.188.795	-	32.273.708.093
Sản phẩm dở dang	15.251.078.444	(719.772.557)	49.010.198.744
Thành phẩm	226.710.591.237	(931.938.188)	160.156.585.068
Hàng hóa	1.383.071.813	-	16.348.710.806
	473.639.848.759	(1.651.710.745)	347.775.419.343
			(1.358.505.236)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc điểm của từng hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, v.v.), nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.358.505.236	1.687.900.164
Tăng dự phòng trong kỳ	293.205.509	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(886.695.792)
Số dư cuối kỳ	1.651.710.745	801.204.372

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 20.175 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2026: 7.152 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

14. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	83.392.207.522	262.061.858.125	10.039.418.637	5.281.549.882	2.545.567.807	363.320.601.973
Tăng trong kỳ	-	8.877.600.000	-	37.430.000	-	8.915.030.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.145.745.688	-	-	-	1.145.745.688
Số dư cuối kỳ	83.392.207.522	272.085.203.813	10.039.418.637	5.318.979.882	2.545.567.807	373.381.377.661
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	70.453.899.653	235.102.414.532	8.858.548.003	4.550.628.685	2.493.885.007	321.459.375.880
Khấu hao trong kỳ	883.199.532	3.647.574.980	148.094.490	132.917.029	13.962.000	4.825.748.031
Số dư cuối kỳ	71.337.099.185	238.749.989.512	9.006.642.493	4.683.545.714	2.507.847.007	326.285.123.911
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	12.938.307.869	26.959.443.593	1.180.870.634	730.921.197	51.682.800	41.861.226.093
Số dư cuối kỳ	12.055.108.337	33.335.214.301	1.032.776.144	635.434.168	37.720.800	47.096.253.750

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 259.147 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 250.844 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại chiếm hơn 10% tổng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Hệ thống năng lượng mặt trời	9.596.444.704	-
Nhà máy	5.399.730.600	5.481.544.700

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.445.745.688	3.092.276.182
Tăng trong kỳ	3.835.747.360	297.160.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.145.745.688)	(3.089.436.182)
Số dư cuối kỳ	4.135.747.360	300.000.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	3.835.747.360	1.145.745.688
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
	4.135.747.360	1.445.745.688

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	489.768.747	970.120.891	1.459.889.638
Tăng trong kỳ	8.708.235.410	-	8.708.235.410
Khấu hao trong kỳ	(2.079.213.983)	(28.424.280)	(2.107.638.263)
Số dư cuối kỳ	7.118.790.174	941.696.611	8.060.486.785

18. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	4.284.612.859	3.510.434.331
Chi nhánh		
Công ty Cổ phần Taya Electric Wire & Cable (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	-	29.407.677.874
Các bên thứ ba		
Guangzhou Jcc Copper Products Co., Ltd	80.667.055.286	-
Mitsui & Co., Ltd	35.954.344.186	-
Các nhà cung cấp khác	12.266.711.179	6.800.090.803
	133.172.723.510	39.718.203.008

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất và Chi nhánh không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Phải trả cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2026 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 52.157 triệu VND (1.700 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 25.158 triệu VND (820 VND một cổ phiếu)). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 58,22% và 41,78% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: tỷ lệ lần lượt là 58,32% và 41,68%).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	78.094.745.176	79.662.158.974	(20.000.000.000)	(38.831.303.374)	98.925.600.776

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	38.831.303.374	-	(38.831.303.374)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	75.136.825.929	(75.136.825.929)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.677.960.560	9.263.001.571	(8.060.155.668)	-	3.880.806.463
Thuế thu nhập cá nhân	558.442.566	1.240.489.826	(1.444.852.972)	-	354.079.420
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.536.116.304	(1.536.116.304)	-	-
Các loại thuế khác	-	1.522.047.965	(1.522.047.965)	-	-
	3.236.403.126	127.529.784.969	(87.699.998.838)	(38.831.303.374)	4.234.885.883

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ				30/6/2026
	1/1/2026	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	701.179.222.845	951.839.679.187	(874.448.771.966)	(2.143.428.536)	776.426.701.530

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	65.161.706.191	476.093.199.460
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	11.636.137.517	(11.636.137.517)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.978.143.378)	(1.978.143.378)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 19)	-	-	-	(25.158.077.240)	(25.158.077.240)
Cổ tức – 41,68% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 19)	-	-	-	10.485.470.504	10.485.470.504
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.548.991.590	22.548.991.590
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	115.941.020.149	59.423.810.150	481.991.440.936
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	306.899.450.637	(272.840.000)	115.941.020.149	103.749.892.982	526.317.523.768
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	17.776.811.145	(17.776.811.145)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.022.057.895)	(3.022.057.895)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 19)	-	-	-	(52.156.989.400)	(52.156.989.400)
Cổ tức – 41,78% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 19)	-	-	-	21.792.627.880	21.792.627.880
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	44.256.814.434	44.256.814.434
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	306.899.450.637	(272.840.000)	133.717.831.294	96.843.476.856	537.187.918.787

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần và cổ phiếu mua lại của chính mình

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu mua lại của chính mình				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

24. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	3.624.670.800	3.624.670.800
Trong vòng hai đến năm năm	14.371.025.200	14.498.683.200
Sau năm năm	32.637.085.300	34.321.762.700
	50.632.781.300	52.445.116.700

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời hạn thuê	31/12/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất và cơ sở hạ tầng	50 năm	46.930.699.300	48.360.060.700
Thuê văn phòng	10 năm	3.702.082.000	4.085.056.000
		50.632.781.300	52.445.116.700

(b) Ngoại tệ

	30/6/2026	1/1/2026
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
	Tương đương VND	Tương đương VND
USD	2.884.616	2.182.670
	75.306.002.822	56.917.352.986

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	891.015.708.286	691.675.474.840
▪ Bán hàng hóa	16.514.116.547	138.173.600
▪ Bán phế liệu	10.429.613.000	7.734.434.500
	917.959.437.833	699.548.082.940

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	798.403.480.384	636.827.294.472
▪ Hàng hóa đã bán	14.965.638.993	100.899.465
▪ Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	293.205.509	(886.695.792)
	813.662.324.886	636.041.498.145

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.216.320.283	8.391.140.939
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.754.572.937	6.624.392.611
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	238.812.270	-
	14.209.705.490	15.015.533.550

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Chi phí đi vay	22.567.980.339	12.572.624.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.589.297.707	8.939.801.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.468.197.833
	32.157.278.046	22.980.624.200

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Phí bán quyền và phí UL	6.582.242.287	6.147.925.108
Chi phí nhân viên	5.854.354.517	4.964.219.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.673.884	1.009.365.341
Chi phí khác	4.146.798.846	3.186.686.380
	17.572.069.534	15.308.195.856

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.297.735.562	6.975.150.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.485.697.623	3.049.764.256
Chi phí khác	3.478.367.462	2.575.080.732
	15.261.800.647	12.599.995.053

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	786.223.507.652	622.251.354.385
Chi phí nhân công và nhân viên	28.468.142.763	26.668.866.139
Chi phí khấu hao	4.838.628.033	4.907.627.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.793.807.910	19.972.186.144
Chi phí khác	25.708.150.076	21.154.620.139

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.263.001.571	4.614.696.504
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(43.980.826)	133.004.369
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.219.020.745	4.747.700.873

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.475.835.179	27.296.692.463
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	8.021.375.277	4.094.503.869
Chi phí không được khấu trừ thuế	437.398.241	391.987.767
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	760.247.227	261.209.237
	9.219.020.745	4.747.700.873

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc		Số dư tại ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	1.407.050.720	1.993.131.232	692.350.560	-
Phí bản quyền và phí UL (*)	6.582.242.287	6.147.925.108	3.592.262.299	3.510.434.331
Phí dịch vụ	5.077.507.500	5.128.500.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối (**)	41.743.792.400	20.135.241.040	41.743.792.400	-
Chi nhánh				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	4.323.231.294	3.610.008.716	-	-
Mua thành phẩm	-	-	-	29.407.677.874
Cổ tức phải thu	21.792.627.880	10.485.470.504	21.792.627.880	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	35.752.683.625	14.881.377.781	8.580.507.071	14.980.447.660
Thù lao Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên				
Hội đồng Quản trị và				
Ban Kiểm soát	5.113.263.996	4.166.107.216	-	-
Thù lao cho thành viên				
Ban Tổng Giám đốc	512.193.800	633.508.815	-	-
Cổ tức đã phân phối cho				
thành viên Hội đồng Quản trị	811.007.100	391.191.660	-	-
Phí bảo lãnh trả cho				
Ông Shen Shang Pang,				
Chủ tịch	1.082.395.503	801.792.824	864.720.328	930.362.904

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao), Trụ sở chính có quyền sử dụng thương hiệu và chứng chỉ UL của 11 sản phẩm (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 11 sản phẩm) sở hữu bởi Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 1,1% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 1,1%) trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.
- (**) Đây là toàn bộ cổ tức phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 41,78% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 41,68%) được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 19).

35. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Trụ sở chính áp dụng Thông tư 99 trên cơ sở phi hồi tố. Một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính

		Mã số	1/1/2026 VND (đã phân loại lại)	Mã số	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	123	284.585.838.816	123	281.384.671.656
Phải thu khác	(i)	135	-	136	3.201.167.160

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

		Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND (đã phân loại lại)	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính					
Trong đó: Chi phí lãi vay	(ii)		-	23	11.770.831.990
Trong đó: Chi phí đi vay	(ii)	24	12.572.624.814		-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

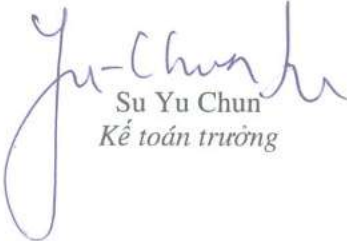
		Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2025	30/6/2025
			VND	VND
			(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Lãi từ hoạt động đầu tư và tài chính	(iii)	05	(8.566.283.507)	(8.391.140.939)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(iii)	34	(418.279.496.659)	(418.454.639.227)

- (i) Phân loại lại khoản lãi phải thu từ các khoản phải thu khác sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- (ii) Phân loại lại phí bảo lãnh vào chi phí đi vay.
- (iii) Phân loại lại lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện phát sinh từ chi trả nợ gốc vay vào lãi từ hoạt động đầu tư và tài chính.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Trần Bội Nghi
 Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

 Hsu Chung Yao
 Tổng Giám đốc

